

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 12 năm 2022
V/v Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Phạm Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị L, sinh năm 1982- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 16A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1968- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 16A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Nguyễn Viết C đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1999.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, làm ăn với nhau từ năm 1999 cho đến nay thì vợ chồng chung sống với nhau nhưng không thể hòa hợp được, do không cùng quan điểm về lối sống, cách suy nghĩ và do chênh lệch về tuổi tác, ông C còn có tính rất ích kỷ, nên không thể tìm được tiếng nói chung. Việc này bà L đã cố gắng tự giải quyết với ông C nhiều lần, các con cũng động viên, khuyên nhủ nhưng ông C không chịu thay đổi.

Trước đây vì nghĩ đến sự phát triển của các con, nên mới cố gắng chịu đựng và kéo dài mối quan hệ này. Nhưng đến nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, ai biết bổn phận người nấy, không ai quan tâm chăm sóc ai.

Nay bà Hà Thị L đề nghị Tòa án tuyên bố bà Hà Thị L và ông Nguyễn Viết C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Hà Thị L và ông Nguyễn Viết C có 02 con chung cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004

Bà Hà Thị L có nguyện vọng, sau khi Toà án không công nhận vợ chồng thì giao cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 cho ông Nguyễn Viết C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Viết C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Viết C thừa nhận chung sống với bà Hà Thị L như vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy tình cảm không còn, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông C, thì ông C đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông C và bà L có 02 người con chung: cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004

Ông Nguyễn Viết C có nguyện vọng, sau khi Toà án không công nhận vợ chồng thì giao cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Ông Nguyễn Viết C không yêu cầu bà Hà Thị L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Hà Thành N.

Còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định trong BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Điều 14, 15, 58, 81, 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hà Thị L, không công nhận bà L và ông C là vợ chồng, Giao cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 cho ông C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu tròn 18 tuổi, còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004 đã trên 18 tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Hà Thị L đề ngày 03/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Hà Thị L làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Viết C cư trú tại thôn 16A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: bị đơn ông Nguyễn Viết C đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hà Thị L và bị đơn ông Nguyễn Việt C đều thừa nhận đã thực hiện việc chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến không thể tiếp tục chung sống, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, nên HĐXX Tuyên bố không công nhận bà Hà Thị L và ông Nguyễn Việt C là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Việt C và bà Hà Thị L có 02 người con chung: cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004

Ông Nguyễn Việt C và bà Hà Thị L thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà Thành N, giao cháu Nguyễn Hà Thành N cho ông Nguyễn Việt C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi cháu N đảm bảo đúng quy định pháp luật, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông C để giao cháu Nguyễn Hà Thành N cho ông Nguyễn Việt C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu N đủ 18 tuổi.

Bà Hà Thị L được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Việt C không yêu cầu bà Hà Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Hà Thành N, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004 đã trên 18 tuổi cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hà Thị L và ông Nguyễn Việt C đều không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Bà Hà Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227; Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, 15, 58, 81, 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị L và ông Nguyễn Viết C là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà Thành N.

Giao cháu Nguyễn Hà Thành N, sinh ngày 04/02/2008 cho ông Nguyễn Viết C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu đủ 18 tuổi.

Bà Hà Thị L được quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Nguyễn Viết C không yêu cầu bà Hà Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Hà Thành N, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Riêng cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 02/01/2004 đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016515 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Nguyên đơn bà Hà Thị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Viết C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
-;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Anh Hùng